

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HỨNG THÚ HỌC TẬP VÀ TẠO HỨNG THÚ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN

○ THS. LƯU THỊ TRÍ - NGUYỄN THỊ BÌNH*

Giao dục đại học (GDDH) Việt Nam hiện còn nhiều bất cập liên quan đến mục tiêu, chương trình và phương pháp dạy học (PPDH), quản lý GDDH, chất lượng đào tạo... Chiến lược phát triển GD-ĐT giai đoạn 2009-2020 đã nêu cụ thể những mặt yếu kém của GDDH, như: chất lượng đào tạo ngày càng tụt hậu, kém hiệu quả so với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế... Khi bàn về tính không hiệu quả của GDDH hiện nay, người ta thường đổ lỗi do thiếu trang thiết bị học tập, thương mại hóa giáo dục, phong cách giảng dạy của giảng viên (GV), việc học thiên về lí thuyết nhiều hơn thực tiễn, v.v... mà quên đi thái độ (hứng thú) của sinh viên (SV) trong việc học của chính họ.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ bàn đến một số vấn đề về hứng thú học tập (HTHT) và việc tạo HTHT cho SV - một thành tố trung tâm của quá trình GDDH.

1. Thực trạng HTHT của SV

Mỗi SV lớn lên trong môi trường văn hoá, kinh tế - xã hội khác nhau và hình thành những hành vi, thói quen, cách suy nghĩ, các năng lực nhận thức và hứng thú khác nhau. Điều này tạo nên sự đa dạng, phong phú về phong cách sống, về khả năng thu thập và xử lí thông tin, về phương pháp học tập... Một số SV học tập tích cực, chủ động, số khác lại tỏ ra thụ động, thích im lặng ngồi nghe hơn là tranh luận.

1) Số đông SV không thực sự có HTHT và chưa tìm được phương pháp học phù hợp. Một nghiên cứu mới đây của PGS.TS Nguyễn Công Khanh Trường ĐHSPT Hà Nội đã nêu ra nhiều số liệu về hoạt động học của SV, trong đó có không ít con số khiến chúng ta «giật mình»:

55% SV được hỏi cho rằng mình không thực sự HTHT; 64% SV được khảo sát chưa tìm được những phương pháp học phù hợp với đặc điểm nhận thức; chỉ có 29,2% SV cho rằng đã lập thời gian biểu học tập và cố gắng thực hiện đúng thời gian biểu; 64% SV còn lại mơ hồ về phương pháp học; hơn 50% SV được khảo sát không thật tự tin vào các năng lực/khả năng học của mình; hơn 40% cho rằng mình không có năng lực tự học; gần 70% SV cho rằng mình không có năng lực tự nghiên cứu. Đây thực chất là những con số đáng báo động khi GDDH đã và đang thực hiện cuộc vận «Nói không với đào tạo không đạt chuẩn và không đáp ứng nhu cầu xã hội».

2) SV lười phát biểu trong thảo luận nhóm, seminar. Trong mỗi giờ học, số SV tích cực phát biểu, nêu ý kiến thắc mắc là rất ít. Thường là GV đứng trên bục giảng, yêu cầu nhiều lần SV trả lời các câu hỏi, cho dù không phải là những câu hỏi khó. Thông thường các câu hỏi GV nêu lên đều nằm trong phạm vi hiểu biết và SV có thể trả lời, thế nhưng rất ít có ý kiến phát biểu. Điều này ảnh hưởng khá lớn đến không khí học tập trong lớp. Mỗi khi GV đặt câu hỏi, SV cảm thấy áp lực và tự cho là ai đó sẽ là người trả lời...

Một bộ phận khá đông SV chưa tìm được cho mình chiến lược, phương pháp học tích cực, hiệu quả mà biểu lộ cách học thụ động, ngại nêu thắc mắc, ngại nói ra ý tưởng riêng của mình trong các cuộc thảo luận trên lớp, ngại đưa ra những bằng chứng để chứng minh hay bác bỏ giả thuyết. Các công trình nghiên cứu cho thấy: có tới 36,1% SV biểu lộ cách học thụ động; 42,7% ngại nêu thắc mắc, ngại nói ra ý tưởng riêng của mình; 41,1% cho rằng mình học

* Trường Đại học Hồng Đức

chủ yếu từ vở ghi, giáo trình và ít có thời gian tìm đọc những tài liệu tham khảo; 31,4% số SV được khảo sát cho rằng các chiến lược học của mình hướng vào việc nắm kiến thức để «trả bài cho thầy» hơn là phát triển các năng lực tư duy, năng lực sáng tạo.

Chỉ 30% trong số những SV được hỏi có thái độ tích cực trong học tập, trong khi có đến 60% chọn giải pháp học đối phó. Phải nhìn nhận rằng, sự thiếu ý thức, thụ động, ỷ lại đang thật sự tồn tại trong một bộ phận lớn SV hiện nay.

Kết quả khảo sát «*Tại sao SV giờ lười phát biểu?*» đã chỉ ra những nguyên nhân chính như sau: 1) Do SV quá lười học, rất ít khi nghiên cứu hoặc chuẩn bị bài trước mà chỉ đợi lên lớp chờ GV giảng rồi chép, nên không đủ kiến thức để trả lời những câu hỏi của GV; 2) Vì sợ phát biểu sai bị bạn bè cười nhạo và đôi khi sợ bị GV phê bình (hoặc có thể bị trừ điểm); 3) Trong lớp không ai giơ tay phát biểu mà mình phát biểu thì sợ bị coi là «thích thể hiện»; 4) Có khi câu hỏi quá khó vượt ngoài kiến thức hiểu biết; 5) Có thể SV không cảm thấy hứng thú với môn học, tiết học thiếu liên hệ với thực tiễn, GV giảng bài chưa cuốn hút... nên SV chọn cách ngồi chép bài là hơn; 6) Nói chuyện riêng hoặc không tập trung nghe giảng nên không hiểu rõ câu hỏi; 7) Đôi khi câu hỏi được đặt ra quá dễ, bạn nào cũng biết rồi nên không ai giơ tay phát biểu vì không có hứng; 8) Trong một số trường hợp, giơ tay phát biểu là vì được khuyến khích cộng thêm điểm số (nhưng đây chỉ là phần thiểu số); 9) Không khí trong lớp học không được sôi động; 10) Sợ phát biểu đúng có thể thầy cô sẽ đặt tiếp những câu hỏi khác mà mình không biết trước được, không tự tin vào bản thân, ngại ngùng khi phải đứng lên và trả lời trước đám đông.

2. HTHT của SV và việc dạy học ở ĐH

1) *HTHT của SV là bằng chứng của việc dạy học có hiệu quả.* Nguyên tắc dạy học ở ĐH đã nêu rõ: SV tỏ thái độ hài lòng cao, HTHT vì GV đã đáp ứng được yêu cầu học tập của họ; đồng nghiệp đánh giá mục đích giảng dạy của GV là có giá trị và có tính thực tế; mục đích giảng dạy đảm bảo tính khoa học và có thể bỏ qua những rào cản về quy định; nhận thức được rằng việc học của nhân loại là một quá trình phức tạp.

2) *Tạo ra HTHT cho SV - điều cốt yếu của việc giảng dạy.* Ở các nước tiên tiến, một giáo sư khi giảng dạy trên lớp luôn phải đi kèm từ một đến hai trợ giảng. Những trợ giảng này đảm nhiệm công tác điều phối không khí lớp học, nội dung học tập của SV và tổ chức những seminar cho SV thảo luận đề tài học tập, gợi mở kiến thức. Từ đó, người học được lôi cuốn theo chiều hướng chủ động và sáng tạo. Có lẽ phải rất lâu nữa các trường ĐH của chúng ta mới làm được việc này.

Sự thụ động của SV có phần lỗi lớn là ở GV. Khi được hỏi «*Bạn có những mong muốn gì trong các giờ học?*», đa số SV được khảo sát mong muốn GV áp dụng các PPDH tích cực để kích thích hứng thú và tích cực hoá người học trong các giờ học, cụ thể: - Muốn các bài giảng của GV gồm cả những tri thức mới không có trong giáo trình; - Thích được GV giao làm những bài tiểu luận để giúp họ phát triển khả năng suy nghĩ độc lập, tư duy phê phán; - Thích GV hỏi, khuyến khích SV đặt câu hỏi, hướng dẫn SV đào sâu suy nghĩ để hiểu bản chất hơn là thuyết trình suốt cả tiết học; - Muốn khi bắt đầu mỗi môn học, GV nêu yêu cầu, hướng dẫn phương pháp học, tài liệu tham khảo và cách khai thác thông tin từ các tài liệu tham khảo này; - Mong muốn các môn học có nhiều giờ tự học (có hướng dẫn và giải đáp thắc mắc) hơn so với hiện nay. Phần lớn SV được khảo sát cho rằng, những nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực tới HTHT trong SV là: - Trong quá trình giảng dạy, GV không đưa ra các tình huống để kích thích SV tư duy; - Không cập nhật thông tin về đời sống xã hội, phần lớn thời gian trong giờ học GV chỉ đọc cho SV chép những kiến thức sẵn có trong giáo trình rồi giải thích qua loa; - Không tạo được bầu không khí thân thiện trong lớp...

3. Một số biện pháp tạo HTHT cho SV

Một trong những nguyên tắc dạy học ở ĐH là «*phải kích thích và duy trì được HTHT cho người học đối với môn học*». Để tạo HTHT cho người học, GV cần:

1) *Trong quá trình dạy học, đi từ những nhận xét đơn giản, từ những điều cụ thể, dẫn tới những nhận định có tính tổng hợp, khái quát và phức tạp;* cách dùng thuật ngữ cũng bắt đầu từ những thuật ngữ thông thường trước khi giới thiệu thuật ngữ chuyên môn.

2) **Kích thích SV nêu ý tưởng mới mẻ.** Nếu GV bị chi phối hoàn toàn bởi thói quen cố hữu thì không bao giờ khuyến khích được các ý tưởng mới và phát triển nó, thậm chí còn có khuynh hướng ngăn chặn, bởi chúng có vẻ như đi chệch khỏi cái đang là phổ biến. Với cái nhìn thấu đáo và tâm huyết, khác với số đông người thầy chân chính bao giờ cũng biết nhận ra những «chỗ non» và biết cách giúp đỡ, tạo đà cho nó phát triển.

3) **Luôn tôn trọng những tìm tòi dù là nhỏ nhất,** chấp cánh cho sự tự tin và những ước mơ để SV mạnh dạn tiến lên trên con đường khám phá tri thức một cách chủ động và sáng tạo; khuyến khích hứng thú nghiên cứu khoa học của SV.

4) **Thân thiện và quan tâm đến SV, khiến SV khát khao học tập,** noi theo tấm gương của thầy. Những chia sẻ trong cuộc đời học tập và nghiên cứu của thầy là quá trình giao lưu cởi mở giữa thầy và trò, giúp cho học trò tìm thấy sự hứng thú trong học tập và tìm tòi sáng tạo. Đó cũng chính là thước đo chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Có thể nói, ở bậc ĐH, nếu GV chỉ truyền đạt kiến thức cho SV theo cách thụ động sẽ không tạo được bầu không khí học tập sôi nổi. Điều này làm giảm năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV. Việc không hứng thú học tập, không quan tâm nghiên cứu các tài liệu học tập sẽ làm tăng tính rụt rè của SV khi phát biểu trước lớp. Kết quả là, SV tốt nghiệp ĐH mà vẫn còn nhút nhát và e ngại khi diễn đạt trước đám đông, dẫn đến sự hạn chế tinh thần làm việc theo nhóm và khả năng lãnh đạo nhóm. Điều này càng quan trọng đối với những người làm việc trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn, bởi đây là các ngành đòi hỏi khả năng thuyết phục người khác thông qua lời nói. Để khắc phục được điều này, SV phải tự học để nắm vững kiến thức, đồng thời mạnh dạn phát biểu. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trọng Chuẩn. “Đổi mới việc dạy triết học trong nhà trường đại học ở nước ta hiện nay”. *Thông tin khoa học xã hội*, số 11/2007.
2. Vũ Minh Giang. “Đổi mới giáo dục đại học bắt đầu từ giảng viên”. Các vấn đề về giáo dục, 8/2006.
3. Chuyên đề: *Nâng cao hứng thú học tập – một trong những yêu cầu của đổi mới phương pháp giảng dạy*. www.hanoi.edu.vn

4. *Thông tin đào tạo đại học*. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, tháng 10/2010.

SUMMARY

The teaching principle at universities is “to stimulate and maintain students' interest in learning” which is crucial in teaching. The quality of teaching at university is not only about the creation of the correct answers but also about the process of helping learners find the excitement for the subject, stimulating the students' self-learning capability and self-study, arousing their creativity which is a measure of the quality and effectiveness of higher education.

Tình hình học sinh...

(Tiếp theo trang 11)

mô hình «Ban phòng chống HS bỏ học» ở địa bàn dân tộc Khmer (tỉnh Trà Vinh).

Bên cạnh việc động viên, giáo dục cũng cần có chế tài nhất định để hạn chế tình trạng người lớn bắt HS bỏ học, thực hiện nghiêm Nghị định số 40/2011/NĐ-CP ngày 08/6/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 11/4/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục. □

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ. Nghị định số 40/2011/NĐ-CP ngày 08/6/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 11/4/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.
2. Võ Hùng Dũng. *Giáo dục đồng bằng sông Cửu Long – Thực trạng và những suy nghĩ*. Kỷ yếu Hội thảo Phát triển giáo dục – đào tạo ở Đồng bằng sông Cửu Long do Ban chỉ đạo Tây Nam bộ và Trường Đại học Tây Đô phối hợp tổ chức, tháng 11/2011.
3. Tô Minh Giới. *Tình hình học sinh bỏ học ở Đồng bằng sông Cửu Long*. 2011.
4. Sở GD-ĐT Trà Vinh. Tài liệu “Hội nghị giao ban lần 1 các Sở GD-ĐT đồng bằng sông Cửu Long”, tháng 10/2011.

SUMMARY

Mekong Delta is the pivotal economy area of the country, it contributed for gross income of Government budget with the big rate. However, the intelligent standard of the people and the quality education of Mekong Delta is lowest compare with the country. One of the reasons is the rate of students left school still higher. This theme will analyse some solutions to limit the situation of students left school and raise the quality education in Mekong Delta clearly.